

Số: **322/2020/QĐST-VHNGĐ**

Long Biên, ngày 07 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 316/2020/TLST-VHNGĐ
ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa:

Người yêu cầu: Anh Trần Anh T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016
quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí
Tòa án;

- Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29
tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên
bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 là
hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã
hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly
hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận
đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Anh T và Chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận Anh Trần Anh T và Chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Trần Anh T và Chị Nguyễn Thị L có 03 con chung là cháu Trần Nguyễn Thanh T, sinh ngày 30/11/2014; cháu Trần Nguyễn Hà L, sinh ngày 09/01/2017 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 29/10/2019. Khi ly hôn, anh chị thoả thuận để chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 3 cháu Trần Nguyễn Thanh T, cháu Trần Nguyễn Hà L và cháu Trần Minh Đ. Anh T tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị L là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/01 tháng/03 cháu (mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/01 tháng) kể từ tháng 7/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Trần Anh T và Chị Nguyễn Thị L mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, ghi nhận sự tự nguyện chịu cả tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình cho chị L của anh T. Vì vậy anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình theo biên lai số 0016358 ngày 19/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Tp Hà Nội;
- UBND phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội
- (Nơi ĐKKH ngày 24/02/2014);
- Chi cục THADS quận Long Biên, Tp Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Mai Hoa